

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

Số: 475 /GP-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Thanh Hoá, ngày 16 tháng 12 năm 2016

**GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN VÀ THUÊ ĐẤT
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12;

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 30/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường hiệu lực thực thi chính sách, pháp luật về khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT ngày 29/11/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 1175/QĐ-UBND ngày 04/4/2016 của UBND tỉnh phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản mỏ đá bazan tầng lẫn dạng dăm làm vật liệu xây dựng thông thường và đất làm vật liệu san lấp tại thôn Bái Sim, xã Thanh Kỳ, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa”;

Căn cứ Quyết định số 3110/QĐ-UBND ngày 18/8/2016 của UBND tỉnh phê duyệt Phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án đầu tư khai thác mỏ đá bazan tầng lẫn dạng dăm làm vật liệu xây dựng thông thường và đất làm vật liệu san lấp, công suất 14.000 m³/năm tại thôn Bái Sim, xã Thanh Kỳ, huyện Như Thanh của Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại HHB;

Xét Đơn và hồ sơ của Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại HHB (nộp tại Sở Tài nguyên và Môi trường) đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản và thuê đất tại mỏ đá bazan tầng lẫn dạng dăm làm vật liệu xây dựng thông thường và đất làm vật liệu san lấp tại xã Thanh Kỳ, huyện Như Thanh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa tại Tờ trình số 1327/TTr-STNMT ngày 06/12/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

a) Cho phép Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại HHB được khai thác, chế biến đá bazan tảng lẫn dạng dăm làm vật liệu xây dựng thông thường, tận thu đá khối sản xuất đá ốp lát và đất làm vật liệu san lấp tại xã Thanh Kỳ, huyện Như Thanh, cụ thể như sau:

- Diện tích mỏ: 57.780,7 m²; trong đó, diện tích khu vực khai thác là 40.000 m² được giới hạn bởi các điểm góc 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 và 9; diện tích khu vực khai trường 1 là 8.480,5 m² được giới hạn bởi các điểm góc 1, 9, 10, 1, 12, 13; diện tích khu vực khai trường 2 là 9.300,2 m² được giới hạn bởi các điểm góc 14, 15, 16 và 17 có tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰, múi chiếu 3⁰ xác định trên bản đồ khu vực mỏ kèm theo;

- Mục đích sử dụng khoáng sản: Làm vật liệu xây dựng thông thường, tận thu đá khối sản xuất đá ốp lát và đất làm vật liệu san lấp;

- Trữ lượng khoáng sản:

- + Trữ lượng địa chất: 262.512 m³; trong đó, đá làm vật liệu xây dựng thông thường là 145.694 m³; đá tận thu làm nguyên liệu sản xuất đá ốp lát là 35.439 m³; đất làm vật liệu san lấp là 81.379 m³;

- + Trữ lượng được khai thác: 246.317 m³; trong đó, đá làm vật liệu xây dựng thông thường là 136.706 m³; đá tận thu làm nguyên liệu sản xuất đá ốp lát là 33.253 m³; đất làm vật liệu san lấp là 76.358 m³;

- Thân khoáng: Dạng khối;

- Công suất khai thác: 14.000 m³/năm;

- Cao độ khai thác cao nhất +105 m; Cao độ khai thác thấp nhất +52 m;

- Phương pháp khai thác: Lộ thiên;

- Thời hạn khai thác: 17 năm 11 tháng, kể từ ngày ký Giấy phép; trong đó, thời gian xây dựng cơ bản mỏ là 04 tháng;

- Lệ phí cấp Giấy phép: 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

b) Chuyển mục đích sử dụng 57.780,7 m² đất rừng sản xuất tại xã Thanh Kỳ, huyện Như Thanh và cho Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại HHB thuê để sử dụng vào mục đích khai thác khoáng sản và làm khai trường;

- Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo trích lục Bản đồ số 239/TLBĐ do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất - Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 29/4/2016;

- Loại đất: Đất rừng sản xuất đơn vị đã bồi thường GPMB, được UBND huyện Như Thanh xác nhận tại Báo cáo số 287/UBND-TNMT ngày 25/10/2016 ;

- Hình thức sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm;

- Phí thẩm định hồ sơ thuê đất: 250.000 đồng;

- Thời hạn thuê đất: 17 năm 11 tháng, kể từ ngày ký Giấy phép.

Điều 2. Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại HHB có trách nhiệm:

1. Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tiền ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường, lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản và các khoản phí, lệ phí có liên quan theo quy định hiện hành;

2. Ký hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường;

3. Tiến hành hoạt động khai thác mỏ theo đúng tọa độ, diện tích, trữ lượng, công suất quy định tại Điều 1 của Giấy phép này;

4. Trước khi tiến hành khai thác, phải nộp thiết kế mỏ được lập, phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định; cắm mốc giới khu vực được phép khai thác và báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, giám sát;

5. Thực hiện đầy đủ nội dung Phương án cải tạo, phục hồi môi trường và Kế hoạch bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư khai thác mỏ đã được phê duyệt. Quản lý, sử dụng các sản phẩm khai thác, chế biến theo đúng quy định của pháp luật hiện hành;

6. Trong quá trình khai thác, phải thực hiện đúng và đầy đủ các phương pháp, quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn kỹ thuật, an toàn công trình mỏ; phải có các biện pháp phòng, chống các sự cố, bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan trong khai thác mỏ. Phải thu hồi tối đa sản phẩm khai thác từ mỏ và các sản phẩm khác (nếu có); báo cáo đúng sản lượng khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

7. Thường xuyên thực hiện việc kiểm soát các khu vực khai thác, chế biến, các công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn, trật tự mỏ theo quy định của pháp luật;

Trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác, chế biến, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

8. Thực hiện việc đóng cửa mỏ; phục hồi môi trường, đất đai sau khai thác; báo cáo định kỳ trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản và các quy định khác có liên quan.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hoạt động khai thác khoáng sản theo Giấy phép này, Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại HHB chỉ được phép tiến hành khai thác sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này; nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa hồ sơ thiết kế mỏ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày hoạt động sản xuất kinh doanh, kế hoạch khai thác, chế biến tại cơ quan chức năng của nhà nước theo quy định./.

Nơi nhận:

- Tổng Cục ĐC&KS Việt Nam;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Công ty TNHH ĐT&TM HHB;
- Các Sở: Xây dựng, TN&MT (05b);
- UBND huyện Như Thanh;
- UBND xã Thanh Kỳ;
- Lưu: VT, CN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Quyền

Giấy phép khai thác khoáng sản này đã được đăng ký
nhà nước tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa

Số đăng ký: ĐK/KT

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2016

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Minh Châu



Phụ lục số: 01

**TỌA ĐỘ KHU VỰC KHAI THÁC MỎ ĐÁ BAZAN LÀM VLXD THÔNG
THƯỜNG TẠI XÃ THANH KỲ, HUYỆN NHƯ THANH**

(Phụ lục kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số: 415 /GP-UBND
ngày 16 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Khu vực	Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 Kinh tuyến trực 105, múi chiếu 3 ⁰	
		X (m)	Y (m)
Tổng diện tích mỏ S = 57.780,7 m ²			
Khu vực khai thác S = 40.000 m ²	1	2151 126.78	567 366.24
	2	2150 968.81	567 461.07
	3	2150 870.54	567 557.15
	4	2150 710.22	567 528.78
	5	2150 568.90	567 433.84
	6	2150 612.97	567 380.59
	7	2510 831.89	567 494.70
	8	2151 074.88	567 319.31
	9	2151 101.92	567 343.76
Khu vực khai trường 1 S = 8.480,5 m ²	1	2151 126.78	567 366.24
	9	2151 101.92	567 343.76
	10	2151 295.60	567 283.86
	11	2151 327.37	567 245.95
	12	2151 388.51	567 215.41
	13	2151 402.70	567 259.47
Khu vực khai trường 2 S = 9.300,2 m ²	14	2151 385.85	567 207.69
	15	2151 353.35	567 098.21
	16	2151 274.94	567 133.47
	17	2151 315.01	567 240.28